

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 02 và kế hoạch tháng 3 năm 2019

Trong tháng, tình hình sản xuất có một số thuận lợi và khó khăn: Độ mặn cơ bản được kiểm soát tại các cống đầu mối và không gây áp lực cho sản xuất; giá cả một số mặt hàng nông, thủy sản chính ở mức cao như: Heo hơi, tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra và cua biển; các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục được kiểm soát; các công tác chuyển giao khoa học luôn được quan tâm thực hiện, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện đạt yêu cầu. Tuy nhiên, công tác thủy lợi nội đồng chưa được triển khai thực hiện, bệnh trên tôm còn xuất hiện rải rác; giá mía, dừa khô, cam sành và một số nông sản khác còn ở mức thấp ảnh hưởng đến thu nhập của người sản xuất. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự quyết tâm của ngành, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên đạt được một số kết quả như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

- Tham mưu trình Ủy ban nhân tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống bệnh dịch tả heo Châu Phi lây lan trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND tỉnh ngày 07/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

- Ban hành Quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2019 cho các đơn vị trực thuộc Sở.

- Chuẩn bị thủ tục Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin hỗ trợ cho các hợp tác xã, tổ hợp tác nêu ở huyện Châu Thành và Cầu Ngang năm 2018 bị thiệt hại để khôi phục sản xuất.

- Khảo sát thực tế tình hình sản xuất và các biện pháp phòng chống hạn, mặn cho cây trồng vụ Đông Xuân.

2. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

- Cây lúa: Xuống giống 11.861 ha lúa Đông Xuân, nâng tổng diện tích xuống giống dứt điểm 68.526 ha, cao hơn cùng kỳ 2.142 ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh 799 ha, các đối tượng chủ yếu như: Đạo ôn 337 ha, tỷ lệ 5-10% tập trung ở một số xã của huyện Cầu Kè, Tiểu Cần và Trà Cú; rầy nâu 275 ha, tuổi 1, 2, mật số phổ biến 750-1.500 con/m², tập trung ở một số xã của huyện Châu Thành và Càng Long, cục bộ có 05 ha mật số 1.500-3.000 con/m² và 03 ha mật số 3.000-7.000 con/m² tại ấp số 05 xã Mỹ Cẩm; bạc lá 110 ha, tỷ lệ 10-20% tập trung ở xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần; chuột 75 ha, tỷ lệ từ 3-5% tại xã Phong Thạnh huyện Cầu Kè và xã Phước Hưng, Tân Hiệp, Hàm Giang, Ngãi Xuyên, Tập Sơn, Long Hiệp huyện Trà Cú. Ngoài ra, còn các đối tượng gây hại khác như sâu cuốn lá, bọ trĩ gây hại với diện tích nhỏ, mức độ gây hại không đáng kể.

- Cây màu: Gieo trồng 5.378 ha, nâng tổng số 14.981 ha, đạt 27% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 12 ha, cụ thể: Màu lương thực 1.743 ha; màu thực phẩm 9.073 ha; cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 4.164 ha. Thực hiện 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ khoai môn tại xã Đại An, huyện Trà Cú, diện tích 20 ha có 64 hộ tham gia, hiện khoai đang phát triển tốt.

- Tiếp tục theo dõi hệ thống bẫy đèn, kiểm tra các điểm dự tính, dự báo sâu bệnh để hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại; phát hành thông báo tình hình rầy nâu gây hại tại ấp số 5, xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn nông dân phòng trị; nhân nuôi 370 mummy, bọ đuôi kim trong phòng thí nghiệm để khống chế bọ cánh cứng hại dừa.

b) Chăn nuôi, thú y:

- Nhờ tăng cường thực hiện tốt công tác tiêm phòng nên các loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi tiếp tục được kiểm soát, trong tháng vận động tiêm phòng Cúm gia cầm 220.880 con; LMLM gia súc 7.993 con; Đại chó, mèo 405 con; các bệnh thường xuyên 91.040 liều và các loại vắc xin khác 485.905 liều. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Heo 46.304 con; trâu, bò 1.855 con; gia cầm 366.430 con; sản phẩm động vật 89.802 kg. Nâng tổng số đến nay đã tiêm phòng Cúm gia cầm 271.580 con (tăng 130.810 gia cầm so cùng kỳ); LMLM gia súc 8.268 con (tăng 6.780 gia súc so cùng kỳ); Đại chó, mèo 531 con (tăng 03 con so cùng kỳ); các bệnh thường xuyên 126.670 liều (tăng 50.187 liều so cùng kỳ) và các loại vắc xin khác 602.587 liều (tăng 40.390 liều so cùng kỳ).

- Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Heo 65.065 con (cao hơn cùng kỳ 6.797 con); trâu, bò 3.330 con, (cao hơn cùng kỳ 1.703 con); gia cầm 487.356 con (cao hơn cùng kỳ 175.938 con); sản phẩm động vật 135.026 kg (cao hơn cùng kỳ 49.814 kg).

c) Lâm nghiệp:

- Tổ chức phun xịt 03 đợt thuốc diệt trừ rệp sáp tấn công trên cây đước tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, diện tích 03 ha.

- Gửi lấy ý kiến các sở, ban ngành tỉnh và địa phương có liên quan báo cáo đề xuất chủ trương Dự án đầu tư phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn Long Khánh gắn với du lịch sinh thái tại xã Long Khánh, huyện Duyên Hải.

- Xây dựng kế hoạch trồng cây lâm nghiệp phân tán và kế hoạch khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh, diện tích 5.452 ha; tổ chức 88 lượt tuần tra bảo vệ rừng, kết quả không phát hiện vi phạm; xác nhận 01 bảng kê lâm sản xuất bán động vật hoang dã. Nâng đến nay đã tổ chức 171 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện, xử lý 01 trường hợp phá rừng trái Pháp luật làm thiệt hại 160 m² rừng đước và mắm tại ấp Động Cao, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; xác nhận 07 bảng kê lâm sản xuất bán động vật hoang dã và cấp 03 giấy phép nuôi động vật hoang dã.

d) Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 4.375 ha, thu hoạch 4.313 tấn (1.586 tấn cá lóc, 264 tấn tôm sú, 1.400 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 7.856 ha, thu hoạch 9.599 tấn (4.443 tấn cá lóc, 283 tấn tôm sú, 2.359 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 6,86% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 777 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 224,3 triệu con tôm sú giống, diện tích 3.490 ha; 287,5 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 643,3 ha; 96 ngàn con cua biển, diện tích 6,9 ha; thu hoạch 1.835 tấn. Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 390,8 triệu con tôm sú giống, diện tích 6.407 ha; 545,8 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 1.036 ha; 17,4 triệu con cua biển, diện tích 83,15 ha; thu hoạch 2.923 tấn (thấp hơn cùng kỳ 16 tấn). Tuy nhiên, do môi trường nước chưa ổn định có 20 triệu con tôm sú giống bị thiệt hại (chiếm 5% lượng con giống thả nuôi), diện tích 82 ha và 69 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 13% lượng con giống thả nuôi, diện tích 108 ha; tôm chết có biểu hiện của bệnh đốm trắng và hoại tử gan tụy.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 32,4 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 233,7 ha (cá lóc 17,7 triệu con, diện tích 34,6 ha); thu hoạch 2.478 tấn. Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 48,4 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 329,5 ha (cá lóc 31,2 triệu con, diện tích 56,8 ha); thu hoạch 6.676 tấn (cao hơn cùng kỳ 793 tấn).

- Khai thác thủy sản: Sản lượng 5.530 tấn (796,6 tấn tôm), trong đó: Khai thác nội đồng 640 tấn (212 tấn tôm), khai thác hải sản 4.891 tấn (584,6 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng khai thác đạt 11.516 tấn (1.710 tấn tôm), đạt 14,7% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 37 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 1.401 tấn (499 tấn tôm), khai thác hải sản 10.115 tấn (1.211 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 545 tấn thủy sản (tôm sú 13 tấn, tôm thẻ 130 tấn), chế biến 304 tấn, tiêu thụ 333 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 1,48 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 842 tấn

thủy sản (tôm sú 58 tấn, tôm thẻ 382 tấn), chế biến 548 tấn, tiêu thụ 437 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 2,48 triệu USD.

- Thực hiện kiểm dịch 45,7 triệu con giống tôm sú và tôm thẻ chân trắng.

e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền, vận động: Tổ chức 40 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 605 lượt người dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 184 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 9.651 lượt người dự; công nhận 170.695 hộ (đạt 76,43% số phát động) và 297 ấp (chiếm 43,55%) đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Năm 2018 được phân bổ 222,1 tỷ đồng (Trung ương 114,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 107,2 tỷ đồng), đã giải ngân 143,4 tỷ đồng, đạt 64,5%. Đồng thời, đang chuẩn bị thủ tục đề triển khai thực hiện nguồn vốn phân bổ năm 2019 là 194,8 tỷ đồng.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về NTM: Có 40 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 47,06% (10 xã đang hoàn chỉnh hồ sơ xét công nhận); có 3 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; có 32 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 10 xã đạt từ 5 – 9 tiêu chí.

- Chương trình bố trí dân cư: Kết hợp khảo sát, kiểm tra hạng mục điện trung thế, hạ thế và trạm biến áp thuộc Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa bàn giao cho Công ty Điện lực Trà Vinh quản lý. Phối hợp UBND xã Hiệp Thạnh rà soát, lập danh sách hộ có nguy cơ bị sạt lở trình phê duyệt.

- Kinh tế hợp tác: Tư vấn, hỗ trợ Tổ hợp tác Bưởi da xanh xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần nâng lên HTX; Kết hợp Dự án AMD Trà Vinh tổ chức cho các HTX tham quan, học tập kinh nghiệm nuôi tôm công nghệ cao tại tỉnh Bạc Liêu; đang xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, Liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh; chuẩn bị các nội để triển khai thực hiện Nghị Quyết số 78/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển HTX, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 và kế hoạch thực hiện Đề án mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục khai thác, quản lý và vận hành tốt các trạm cấp nước hiện có. Lắp đặt mới đồng hồ nước cho 869 hộ, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 115.993 hộ sử dụng nước máy.

3. Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 24 dự án (11 dự án chuyển tiếp và 13 dự án khởi công mới), gồm: 05 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 14 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng; giải ngân vốn năm 2019 được 1,24 tỷ đồng.

4. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai (PCTT):

- Các địa phương đang khẩn trương hoàn chỉnh các thủ tục để triển khai thực hiện các công trình thủy lợi nội đồng, đồng thời khảo sát lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình phục vụ kế hoạch phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn năm 2019. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình Duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2019 và sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển; khảo sát tình hình sạt lở bờ sông xã Hòa Minh, huyện Châu Thành và sạt lở bờ sông Hậu, huyện Trà cú để có giải pháp khắc phục; tổ chức 20 đợt kiểm tra tình hình đê điều, phát hiện 02 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng tổng số đến nay tổ chức 24 đợt kiểm tra đê điều, phát hiện 04 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; bổ nhiệm Giám đốc Quỹ phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu thu, nộp Quỹ phòng chống thiên tai năm 2019.

5. Công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP), quản lý tàu cá và thanh tra, kiểm tra:

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP: Kiểm tra, đánh giá 04 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông - lâm sản và thủy sản, kết quả xếp loại: 01 cơ sở loại A, 03 cơ sở loại B; cấp mới 02 giấy chứng nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và 09 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 79 người sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản. Nâng đến nay đã kiểm tra, đánh giá 07 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông - lâm sản và thủy sản, kết quả xếp loại: 02 cơ sở loại A, 05 cơ sở loại B; cấp mới 03 giấy chứng nhận kiến thức an toàn thực phẩm và 11 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 81 người sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 06 mẫu (03 mẫu lạp xương, 03 mẫu chả lụa) kết quả đều đạt chất lượng.

- Quản lý tàu cá, cảng cá: Kiểm tra an toàn kỹ thuật 35 tàu cá, đăng ký 04 tàu, xoá 04 tàu, cấp 07 sổ danh bạ (45 thuyền viên), cấp 35 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 86,3 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 878 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.082 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 93 triệu đồng; cấp 01 giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, khối lượng 05 tấn. Nâng đến nay đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 149 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 07 tàu, đăng ký 26 tàu, xoá bộ 04 tàu, cấp 37 sổ danh bạ (207 thuyền viên), cấp 68 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 90,9 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.579 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 2.072 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 148,7 triệu đồng; cấp 09 giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, khối lượng 197 tấn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nông, lâm sản và thủy sản đối với 37 cơ sở, thu 15 mẫu vật tư nông nghiệp và thực phẩm để kiểm tra chất lượng, phát hiện, xử lý 05 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đã thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nông, lâm sản và thủy sản đối với 52 cơ

sở, thu 30 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm kiểm tra chất lượng, xử lý 18 trường hợp vi phạm.

6. Công tác khuyến nông và công tác giống

- Công tác khuyến nông:

+ Tổ chức 03 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt và nuôi thủy sản cho 90 lượt nông dân dự; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện phát sóng trực tiếp về giải pháp giảm chi phí trong nuôi tôm; tổ chức 01 cuộc hội thảo đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả trên địa bàn tỉnh cho 80 đại biểu dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 02 cuộc hội thảo cho 165 lượt người dự; tiếp tục theo dõi các mô hình trình diễn thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình, dự án kết hợp.

+ Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao: Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản; đào tạo 06 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cò cho các hộ tham gia mô hình, đến nay bò phát triển tốt, đã có 20 con được phối giống.

+ Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh: Đã hoàn thành việc chọn hộ, đấu thầu mua sắm vật liệu và thiết kế bản vẽ xây dựng nhà lưới.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Tổ chức sản xuất 8,9 ha lúa giống OM 5451 cấp xác nhận 1, hiện lúa đang ở giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trổ. Tiếp tục chăm sóc các mô hình khảo nghiệm giống bơ sáp, gấc, xoài, chanh; xuất bán 49 cây giống các loại; cung ứng 976 kg lúa giống. Nâng đến nay xuất bán 169 cây giống các loại, cung ứng 976 kg lúa giống.

+ Giống thủy sản: Xuất bán 100 ngàn con ấu trùng tôm sú, 400 ngàn ấu trùng tôm thẻ chân trắng và 240 ngàn con cá tra giống. Nâng đến nay xuất bán 02 triệu ấu trùng tôm sú, 400 ngàn ấu trùng tôm thẻ, 210 ngàn con cá lóc và 3,24 triệu con cá tra giống.

+ Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc 09 con dê và 280 con vịt biển sinh sản, trong tháng vịt đẻ 3.419 trứng, cung ứng 2.310 trứng. Nâng đến nay vịt đẻ 3.499 trứng, gà đẻ 2.500 trứng, cung ứng 3.510 trứng vịt và 200 con gà giống.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Môi trường nuôi tôm chưa ổn định nhất là chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn (khoảng 7^o C) làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát sinh.

- Do đây là một trong những tháng đầu năm và nằm trong dịp Tết Nguyên đán nên một số hoạt động sản xuất và chuyên môn còn ít.

- Giá heo hơi duy trì ở mức cao nhưng lượng tái đàn không nhiều do con giống khan hiếm và giá cao, người chăn nuôi còn e dè sợ rớt giá.

- Tỷ lệ tiêm phòng một số loại bệnh như cúm gia cầm, LMLM gia súc còn thấp nên nguy cơ bùng phát là rất lớn.

- Giá dừa khô giảm sâu và kéo dài từ giữa năm 2018 đến nay, làm cho nhà vườn giảm đầu tư chăm sóc, khả năng giảm năng suất khi giá dừa tăng trở lại.

Giá cả một số cây màu không ổn định nên chưa khuyến khích nông dân chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng màu

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 3

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành:

- Triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống bệnh dịch tả heo Châu Phi lây lan trên địa bàn tỉnh.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin hỗ trợ cho các hợp tác xã, tổ hợp tác nêu nghêu ở huyện Châu Thành và Cầu Ngang năm 2018 bị thiệt hại để khôi phục sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết số 78/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển HTX, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đôn đốc các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND tỉnh ngày 07/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

2. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt: Hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích lúa và hoa màu vụ Đông Xuân đã xuống giống; theo dõi chặt chẽ các điểm dự tính, dự báo trên các loại cây trồng để thông báo và hướng dẫn nông dân phòng trị; vận động nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị các loại sâu bệnh, đặc biệt là rầy nâu, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá đảm bảo không làm giảm năng suất lúa. Tổ chức tập huấn phòng, trừ sâu bệnh trên các loại cây trồng; tổ chức điều tra giá thành sản xuất lúa vụ Đông Xuân năm 2019 báo cáo theo quy định.

- Chăn nuôi: Thực hiện tốt công tác giám sát dịch bệnh đặc biệt là tình hình lây lan của dịch tả heo Châu Phi; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi tiêm phòng cho đàn vật nuôi, nhất là cúm gia cầm, LMLM gia súc; tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là dịch bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng gia súc, Đại chố, mèo và Dịch tả heo Châu Phi. Tiếp tục thu mẫu phân tích các mầm bệnh nguy hiểm tại các vùng nuôi thủy sản trọng điểm

để cảnh báo, hướng dẫn người nuôi xử lý mầm bệnh. Tiếp tục hỗ trợ, kiểm tra công tác kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung, đảm bảo việc thu phí, lệ phí đúng theo quy định.

b) Lâm nghiệp: Triển khai kế hoạch giao cây lâm nghiệp phân tán cho các xã, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh; kiểm tra các hành vi xâm hại đến động vật rừng; tăng cường công tác Quản lý bảo vệ rừng và tuần tra, kiểm soát lâm sản, kịp thời ngăn chặn các vụ vi phạm pháp luật bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh; tiếp tục ký hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng theo kế hoạch; khảo sát, thu thập thông tin phục vụ công tác bảo tồn thiên nhiên; triển khai kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô 2019.

c) Thủy sản: Theo dõi tiến độ thả nuôi tôm nước lợ ở các huyện ven biển và nuôi thủy sản ở các huyện vùng nước ngọt; phân công cán bộ phụ trách địa bàn các xã của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải nắm tình hình thả nuôi tôm thẻ theo hình thức siêu thâm canh và hướng dẫn người nuôi thực hiện đúng quy trình kỹ thuật; tiếp tục quan trắc cảnh báo môi trường nước phục vụ tốt cho vụ nuôi năm 2019; tham mưu lập kế hoạch thực hiện các hoạt động tổ chức kỷ niệm Nghề cá Việt Nam.

d) Phát triển nông thôn: Tham mưu BCD tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018; Xây dựng kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG năm 2019; Kiểm tra hồ sơ công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận; cấp phát tài liệu thông tin tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới cho các Sở, ban, ngành tỉnh và BCD các huyện; Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ngành nghề nông thôn; kế hoạch thực hiện chương trình mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực; chính sách hỗ trợ, phát triển ngành nghề nông thôn. Xây dựng dự toán chi tiết, dự án thực hiện công tác hỗ trợ HTX kiểu mới từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019; khảo sát xây dựng kế hoạch chuỗi giá trị liên kết cho các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

3. Công tác chuyên ngành:

- Tổ chức triển khai các lớp tập huấn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản; phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; triển khai thực hiện các mô hình thực hiện vốn sự nghiệp năm 2019 và các Dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi.

- Triển khai thi công các công trình thủy lợi nội đồng năm 2019; theo dõi độ mặn tại các cống đầu mối và trong nội đồng để vận hành cống, điều tiết nước phục vụ sản xuất an toàn; kiểm tra, theo dõi chặt chẽ các tuyến đê, kè và các công trình qua đê; xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai và Phương án ứng phó sự cố thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2019.

- Tăng cường tuyên truyền hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương, hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát ATVS vùng thu hoạch nhãn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký.

- Tổ chức các cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý giống thủy sản và kinh doanh vật tư nông nghiệp; tổ chức thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về giải quyết khiếu nại tố cáo theo kế hoạch được phê duyệt năm 2019 đối với Chi cục Kiểm lâm.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duy trì hoạt động tại 158 trạm cấp nước, tăng thêm 700 hộ sử dụng; rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; tiếp tục thực hiện các bước cổ phần hoá Trung tâm Nước sạch và VSMTNT theo lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC ^{MLC}
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huyền Kịp Nở

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 02 NĂM 2019**



Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2019	Thực hiện Tháng 02	Ước TH 02 tháng năm 2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
	TRỒNG TRỌT							
	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	83.049	123.000	17.239	85.742	103,24	69,71
	Cây lương thực có hạt	Ha	69.265	72.600	12.218	71.986	103,93	99,15
1.	Cây lúa	Ha	68.081	67.600	11.861	70.761	103,94	104,68
a	Lúa mùa							
	- DT gieo sạ	ha	1.697	1.600		2.235	131,73	139,71
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.290	1.600	1.771	2.186	169,48	136,65
	- Năng suất	Tạ/ha	44,86	45,00	46,85	46,29	103,19	102,87
	- Sản lượng	tấn	5.787	7.200	8.296	10.121	174,90	140,57
b	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	66.384	66.000	11.861	68.526	103,23	103,83
	- Diện tích thu hoạch	Ha		66.000	470	470		0,71
	- Năng suất	Tạ/ha		66,00	54,25	54,25		82,20
	- Sản lượng	tấn		435.600	2.550	2.550		0,59
2.	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	14.969	55.400	5.378	14.981	100,08	27,04
	Diện tích thu hoạch	Ha	1.115	55.400	1.222			-
a	Màu lương thực		1.652	7.750	538	1.743	105,52	22,49
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.184,2	5.000	357,3	1.224	103,39	24,49
	- Diện tích thu hoạch	"	56,0	5.000	71	71	126,79	1,42
	- Năng suất	Tạ/ha	54,1	54,00	54	54	100,22	100,35
	- Sản lượng	Tấn	302,8	27.000	3.847	385	127,06	1,42
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	192,0	1.200	88,1	229	119,45	19,11
	+ Diện tích thu hoạch	"	7	1.200	18	18	264,71	1,50
	+ Năng suất	Tạ/ha	160,3	158,33	54	161,20	100,57	101,81
	+ Sản lượng	Tấn	109,0	19.000,0	975	290	266,20	1,53
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	161,5	950	50,7	160	98,87	16,81
	+ Diện tích thu hoạch	"	2,1	950	2	2	94,34	0,21
	+ Năng suất	Tạ/ha	150,9	157,89	151	151	99,95	95,55
	+ Sản lượng	Tấn	32,0	15.000	32	32	99,19	0,21
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	114,3	600	42,1	130	113,69	21,65
	+ Diện tích thu hoạch	"		600				-
b	Cây thực phẩm	Ha	9.063	30.750	2.863	9.073	100,11	29,51
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	9.045	30.000	2.803	8.948	98,93	29,83
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.050	30.000	1.126	1.126	107,24	3,75
	+ Năng suất	Tạ/ha	226,67	228,00	226,72	226,72	100,02	99,44
	+ Sản lượng	Tấn	23.800	684.000	25.529	25.529	107,26	3,73
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	19	750	60	126	675,16	16,74

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2019	Thực hiện Tháng 02	Ước TH 02 tháng năm 2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích thu hoạch	"		750	5	5		0,67
	+ Năng suất	Tạ/ha		17,33	12	12,38		71,44
	+ Sản lượng	Tấn		1.300	6	6		0,48
c	Cây công nghiệp hàng năm		4.254	16.900	1.977	4.164	97,90	24,64
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.327	5.200	1.107	2.342	100,66	45,04
	+ Diện tích thu hoạch	"		5.200				-
	+ Năng suất	Tạ/ha		51,54				-
	+ Sản lượng	Tấn		26.800				-
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	523	5.600	267	332	63,49	5,93
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"		5.600				-
	+ Năng suất	Tạ/ha		1.100				-
	+ Sản lượng	Tấn		616.000				-
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	700	2.500	261	436	62,34	17,45
	+ Diện tích thu hoạch	"		2.500				-
	+ Năng suất	Tạ/ha		110,00				-
	+ Sản lượng	Tấn		27.500				-
	Cây trồng khác	"						
	DT gieo trồng	ha	704	3.600	341	1.054	149,71	29,27
	DT thu hoạch	ha		3.600				-
B	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	8.977	53.200	4.375	7.855	87,51%	14,77%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	195	3.500	234	329	168,36%	9,40%
	- Diện tích nuôi cá	"	167	2.000	96	185	110,51%	9,25%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	1	40	2	2	411,32%	5,45%
	+ Cá lóc	"	33	270	35	57	170,98%	21,06%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	28	1.500	138	144	514,29%	9,60%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	28	1.500	138	144	514,29%	9,60%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	8.781	49.700	4.141	7.526	85,71%	15,14%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	8.781	48.700	4.141	7.526	85,71%	15,45%
	Trong đó: + Tôm sú	"	7.789	21.700	3.491	6.407	82,26%	29,53%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	797	8.500	643	1.036	129,93%	12,19%
	+ Cua biển	"	195	18.500	7	83	42,64%	0,45%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		1.000				0,00%
2.	Thế tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						

Mã số	Chi tiêu	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2019	Thực hiện Tháng 02	Ước TH 02 tháng năm 2019	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
	- Nuôi thả giống							
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	20.300	218.000	9.843	21.115	104,01%	9,69%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	8.822	140.000	4.313	9.598,9	108,81%	6,86%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	5.883	76.500	2.478	6.676	113,49%	8,73%
	- Sản lượng cá	"	5.613	75.000	2.221	6.262	111,56%	8,35%
	Trong đó: + Cá tra	"	107	20.000	194	483	451,68%	2,42%
	+ Cá lóc	"	3.532	35.000	1.586	4.443	125,78%	12,69%
	- Sản lượng giáp xác	"	270	1.500	257	415	153,55%	27,63%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	270	1.500	257	415	153,55%	27,63%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	2.939	63.500	1.835	2.923	99,44%	4,60%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	2.919	58.500	1.805	2.893	99,09%	4,95%
	Trong đó: + Tôm sú	"	558	12.000	264	283	50,69%	2,36%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	2.058	39.000	1.400	2.359	114,62%	6,05%
	+ Nuôi cua biển	"	304	7.500	141	251	82,80%	3,35%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	20	5.000	30	30		
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	11.479	78.000	5.530	11.516	100,33%	14,76%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	9.614	68.000	4.891	10.115	105,21%	14,87%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	4.403	29.000	2.427	4.794	108,90%	16,53%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	1.425	9.000	584,6	1.211	85,01%	13,46%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	3.787	30.000	1.879	4.110	108,53%	13,70%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	1.865	10.000	640	1.401	75,15%	14,01%
	Trong đó: - Cá các loại	"	836	5.000	327	704	84,21%	14,08%
	- Tôm các loại	"	813	3.000	212	499	61,42%	16,64%
	- Nuôi thả các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	216	2.000	101	198	91,75%	9,90%
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	5.586		3.541	5.875	105,17%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	153		209	233	152,29%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	7.789		3.491	6.407	82,26%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	71		74	82	115,54%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	366		224	391	106,79%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	16		19	20	128,87%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	4		8	5	120,67%	
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2019	Thực hiện Tháng 02	Ước TH 02 tháng năm 2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	2.263		1.597	2.768	122,32%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	322		237	328	101,86%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	797		643	1.036	129,96%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	127		79	108	84,67%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	494		288	546	110,45%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	77		48	69	89,59%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	16		17	13	81,11%	